

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA KAR
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 63/2024/HSST

Ngày: 29 – 9 – 2024.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA KAR, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Võ Thị Mai.

- *Các hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Khắc Dũng, ông Nguyễn Thế Hằng.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Hồ Quốc Nam, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Minh Nguyệt – Kiểm sát viên.

Ngày 29/9/2024, tại Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 49/2024/HSST ngày 13 tháng 8 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2024/HSST- QĐ ngày 17 tháng 9 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Hà Trọng D, sinh ngày: 11/4/2000; Giới tính: Nam; Nơi sinh tại huyện E, tỉnh Đắk Lắk;

Nơi cư trú: Thôn N, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt nam; Con ông Hà Trọng V, sinh năm 1973 và con bà Trần Thị H, sinh năm 1977; Gia đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con út trong gia đình; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án,

tiền sự: Không; Nhân thân: Bị cáo chưa bị kết án và chưa bị xử phạt vi phạm hành chính.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 24/02/2024, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện E, tỉnh Đắk Lắk (có mặt tại phiên tòa).

2. Họ và tên: Nguyễn Đức T, sinh ngày 11/7/1998; Giới tính: Nam; Nơi sinh tại tỉnh Đắk Lắk.

Nơi cư trú: Thôn D, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt nam; Con ông Nguyễn Đức C, sinh năm 1976 và con bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1979; Bị cáo có vợ Nguyễn Thị M, sinh năm 2002 và có 02 con, con lớn sinh năm 2019, con nhỏ sinh năm 2022; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Bị cáo chưa bị kết án và chưa bị xử phạt vi phạm hành chính.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 24/02/2024 đến ngày 27/02/2024; bị cáo bị bắt tạm giam ngày 03/06/2024, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện E, tỉnh Đắk Lắk (có mặt tại phiên tòa).

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà Trần Thị H, sinh năm 1977. Nơi cư trú: Thôn N, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

- Người làm chứng:

+ Ông Nguyễn Đức T1, sinh năm 1993. Nơi cư trú: Thôn D, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

+ Ông Võ Xuân T2, sinh năm 2002. Nơi cư trú: Thôn D, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

+ Ông Phạm Quang T3, sinh năm 2002. Nơi cư trú: Khối B, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

+ Ông Trần Việt H2, sinh năm 1990. Nơi cư trú: Buôn E, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

+ Ông Trần Quang C1, sinh năm 1987. Nơi cư trú: Thôn D, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

+ Ông Nguyễn Bảo Anh K. Nơi cư trú: Thôn F, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào tối ngày 23/02/2024, Mai Văn D1 thuê phòng 205 nhà nghỉ V1 ở thôn D, xã C, huyện E để ngủ. Đến sáng ngày 24/02/2024, Nguyễn Đức T1 (sinh năm 1993, trú tại thôn D, xã C) mua đồ ăn sáng mang đến phòng 205 cho D1, D1 ăn xong thì ra về còn T1 ở lại phòng 205. Sau đó, T1 nhắn tin rủ Võ Xuân T2 (sinh năm 2002, trú tại thôn D, xã C) đến để sử dụng ma túy, nên T2 mang theo 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá đến phòng 205 và để bộ dụng cụ sử dụng ma túy trên bàn. Tuy nhiên, sau đó do không có ma túy để sử dụng nên T2 đi về còn T1 vẫn ở lại trong phòng 205. Khoảng 09 giờ ngày 24/02/2024, Nguyễn Đức T (sinh năm 1998, trú tại thôn D, xã C) đi đến phòng 205 để chơi với T1 (T1 là chú họ của T). Lúc này, Phạm Quang T3 (sinh năm 2002, trú tại khối B, thị trấn E) gọi điện thoại cho T để rủ T đi lấy xe máy của T3 đã cầm cố trước đó, thì T bảo T3 đến phòng 205 để cùng T đi lấy xe máy nên T3 đến phòng 205 để gặp T; T, T1, T3 ở trong phòng 205 chơi một lúc thì T1 ra về. Lúc này, T thấy trong phòng 205 đã có sẵn bộ dụng cụ để sử dụng ma túy đá nên T nảy sinh ý định mua ma túy đá về sử dụng, T đã sử dụng Z gọi cho Hà Trọng D (sinh năm 2000, trú tại thôn N, xã E) hỏi mua ma túy đá thì D đồng ý. Sau khi T liên lạc với D xong thì có Trần Việt H2 (sinh năm 1990, trú tại buôn E, xã C) gọi điện thoại qua M1 cho T để rủ đi nhậu, nên T bảo H2 đến phòng 205. Khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, D mang theo 02 gói ma túy, điều khiển xe mô tô biển số 47F1 - 644.29 mang ma túy đến phòng 205 để bán cho T.

Lúc này trong phòng 205 có Hà Trọng D, Nguyễn Đức T, Phạm Quang T3 và Trần Việt H2. T hỏi D để lấy ma túy và bảo D bỏ ma túy vào bộ dụng cụ sử

dụng ma túy đã có sẵn trên bàn, nên D lấy 01 gói ma túy đá đổ vào nỏ của bình dụng cụ sử dụng ma túy (D và T đều xác định gói ma túy này giá 300.000 đồng và T chưa trả tiền cho D), sau đó T dùng bật lửa đốt và hút ma túy. Thấy vậy, T3, H2, D cũng đến hút, T nhìn thấy nhưng không nói gì; sau khi hút ma túy xong thì D ra về và bị Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Đ phối hợp với Đội ma túy Công an huyện E, phát hiện bắt quả tang D cùng tang vật là 01 gói nylon trong suốt, bên trong đựng chất rắn dạng tinh thể màu trắng (D khai nhận là ma túy đá). Tiến hành kiểm tra phòng 205 thì phát hiện T, H2, T3 vừa sử dụng ma túy, trên bàn còn có bộ dụng cụ dùng để hút ma túy bên trong còn có bả m dính chất rắn màu trắng. Quá trình T trao đổi với D để mua ma túy thì T3 và H2 không biết, T3 và H2 cũng không góp tiền cùng T để mua ma túy về sử dụng. Kết quả xét nghiệm chất ma túy đối với Nguyễn Đức T, Hà Trọng D, Phạm Quang T3 và Trần Việt H2 đều dương tính với chất ma túy.

- Vật chứng thu giữ:

+ Thu giữ trên người của Hà Trọng D: 01 gói nylon trong suốt, dạng túi Z1, bên trong có chứa chất rắn dạng tinh thể màu trắng được niêm phong theo quy định; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, Imei: 356684111985058, kèm sim số 0847517817; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, biển số 47F1 – 644.29.

- Thu giữ trong phòng 205: 01 chai nhựa nhãn hiệu STING, nắp chai màu đỏ, trên nắp chai bị đục 02 lỗ, một lỗ gắn ống nhựa màu trắng, một lỗ gắn ống thủy tinh có một đầu dạng hình cầu, bên trong hình cầu có bả m dính chất rắn màu trắng; ống thủy tinh có bả m dính chất rắn màu trắng được niêm phong theo quy định; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, Imei: 355796075570618, kèm sim số 0983004361 của Nguyễn Đức T; 02 (hai) bật lửa ga màu đỏ;

Tại Bản kết luận giám định số: 335/KL-KTHS, ngày 04/3/2024 của Phòng K1 Công an tỉnh Đ, kết luận: Chất rắn dạng tinh thể màu trắng bên trong (01) gói nylon trong suốt (dạng túi zip) được niêm phong gửi giám định là Ma túy thu giữ

của D có khối lượng 0,1916 gam, loại Methamphetamine. Mẫu vật còn lại sau giám định có khối lượng 0,1685 gam và toàn bộ bao gói đựng mẫu vật gửi giám định ban đầu.

Tại Bản kết luận giám định số: 336/KL-KTHS, ngày 04/3/2024 của Phòng K1 Công an tỉnh Đ, kết luận: Chất màu trắng đục được niêm phong gửi giám định là Ma túy còn bám lại ở bộ D2 sử dụng ma túy, có khối lượng: 0,0598 gam, loại Methamphetamine. Mẫu vật còn lại sau giám định có khối lượng 0,0325gam và toàn bộ bao gói đựng mẫu vật gửi giám định ban đầu.

Bản Cáo trạng số: 53/CT-VKS ngày 13/8/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk đã truy tố bị cáo Hà Trọng D về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 251 của Bộ luật hình sự (BLHS) và truy tố bị cáo Nguyễn Đức T về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm b Khoản 2 Điều 255 của BLHS.

Tại phiên tòa các bị cáo Hà Trọng D và Nguyễn Đức T đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng số 53/CT-VKS ngày 13/8/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk đã công bố, cũng như lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra và không có ý kiến gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar thực hành quyền công tố Nhà nước tại phiên tòa, sau khi phân tích, đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo như bản cáo trạng số 53/CT-VKS ngày 13/8/2024. Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) tuyên bố bị cáo Hà Trọng D phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và bị cáo Nguyễn Đức T phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Áp dụng khoản 1 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Hà Trọng D từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T từ 07 năm 06 tháng đến 8 năm tù.

- Về vật chứng vụ án: Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

+ Tịch thu tiêu hủy mẫu vật còn lại sau giám định có khối lượng là 0,1685 gam và toàn bộ bao gói đựng mẫu vật gửi giám định ban đầu.

+ Tịch thu tiêu hủy mẫu vật còn lại sau giám định có khối lượng là 0,0325 gam và toàn bộ bao gói đựng mẫu vật gửi giám định ban đầu.

+ Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, Imei: 356684111985058 của Hà Trọng D do bị cáo sử dụng liên lạc để bán ma túy.

+ Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, Imei: 355796075570618 của Nguyễn Đức T do bị cáo sử dụng liên lạc để mua ma túy.

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) chai nhựa nhãn hiệu STING, nắp chai màu đỏ, trên nắp chai bị đục 02 (hai) lỗ, một lỗ gắn một ống nhựa màu trắng, một lỗ gắn ống thủy tinh một đầu có dạng hình cầu; 02 (hai) bật lửa ga màu đỏ vật chứng không có giá trị sử dụng.

Đối với xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade biển số 47F1-644.29, quá trình điều tra xác định: Bà Trần Thị H là chủ sở hữu (mẹ của Hà Trọng D, việc bị cáo D sử dụng xe mô tô để đi bán ma túy thì bà H không biết. Ngày 17/7/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện E đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 671 trao trả xe mô tô biển số 47F1-644.29 cho bà H là có căn cứ.

- Về trách nhiệm dân sự: Không.

Tại phiên tòa các bị cáo không tranh luận gì với quan điểm của Viện kiểm sát và đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị H không tranh luận gì với quan điểm của Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về trình tự thủ tục tố tụng: Trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố các bị cáo của cơ quan điều tra huyện E, tỉnh Đắk Lắk; Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk, các Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng theo thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Xét lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo đã khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (khai tại cơ quan điều tra), phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có lưu trong hồ sơ vụ án là hoàn toàn thực tế khách quan. Như vậy, đã có đủ cơ sở pháp lý để kết luận: Các bị cáo Hà Trọng D và Nguyễn Đức T là đối tượng nghiện ma túy, nên vào khoảng 13 giờ 30 phút ngày 24/02/2024 tại phòng 205 nhà nghỉ V1 thuộc thôn D, xã C, huyện E đã có hành vi bán cho Nguyễn Đức T 300.000 đồng ma túy đá để sử dụng. Sau khi mua được ma túy đá T nhờ D đổ vào bộ dụng cụ sử dụng ma túy để trên bàn, T dùng bật lửa đốt hút ma túy và để cho Phạm Quang T3, Trần Việt H2 với Hà Trọng D cùng sử dụng ma túy thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện E phát hiện, bắt quả tang thu giữ cùng vật chứng. Do đó, quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar đối với bị cáo Hà Trọng D, về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 251 của Bộ luật hình sự và bị cáo Nguyễn Đức T về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự là đúng người đúng tội, đúng pháp luật.

Khoản 1 Điều 251 của Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.”.

Điều 255 của Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy dưới bất kỳ hình thức nào thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm;

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

b) Đối với 02 người trở lên;”

Xét tính chất, hành vi của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, không những trực tiếp xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về ma túy mà còn xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội, gây hoang mang, bất bình trong quần chúng nhân dân.

Xét về ý thức: Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực để nhận thức được chất ma túy đá (loại Methamphetamine) là dược liệu hướng thần, là chất gây nghiện, nếu đưa vào cơ thể con người dưới hình thức đốt hút sẽ làm nguy hại cho sức khỏe của con người. Đồng thời cũng là nguyên nhân lây truyền căn bệnh thế kỷ HIV, AIDS và các tội phạm khác. Mặc dù nhận thức được điều đó, song xuất phát từ ý thức coi thường pháp luật nên các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội. Trong vụ án này, có hai bị cáo cùng tham gia thực hiện hành vi phạm tội nên tính chất, hành vi phạm tội và vai trò của mỗi bị cáo trong vụ án là khác nhau. Bị cáo D thực hiện hành vi phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng và bị cáo Nguyễn Đức T thực hiện hành vi phạm tội rất nghiêm trọng; các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý. Do đó, HĐXX xét thấy cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng giáo dục các bị cáo, đồng thời góp phần răn đe phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Vì vậy, HĐXX căn cứ điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ Luật hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo nhằm thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật Nhà nước ta.

[4] Về vật chứng: Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

+ Tịch thu tiêu hủy mẫu vật còn lại sau giám định có khối lượng là 0,1685 gam và toàn bộ bao gói đựng mẫu vật gửi giám định ban đầu.

+ Tịch thu tiêu hủy mẫu vật còn lại sau giám định có khối lượng là 0,0325 gam và toàn bộ bao gói đựng mẫu vật gửi giám định ban đầu.

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) chai nhựa nhãn hiệu STING, nắp chai màu đỏ, trên nắp chai bị đục 02 (hai) lỗ, một lỗ gắn một ống nhựa màu trắng, một lỗ gắn ống thủy tinh một đầu có dạng hình cầu; 02 (hai) bật lửa ga màu đỏ vật chứng không có giá trị sử dụng.

+ Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, Imei: 356684111985058 (đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng máy) của Hà Trọng D sử dụng vào việc phạm tội nên HĐXX cần tịch thu sung Ngân sách Nhà nước.

+ Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, Imei: 355796075570618 (đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng máy) của Nguyễn Đức T do bị cáo dùng vào việc phạm tội nên HĐXX cần tịch thu sung Ngân sách Nhà nước.

+ Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade biển số 47F1- 644.29 của bà Trần Thị H là chủ sở hữu, việc Hà Trọng D sử dụng xe mô tô để đi bán ma túy thì bà H không biết nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện E đã trả lại xe mô tô biển số 47F1- 644.29 cho bà Trần Thị H là có căn cứ cần chấp nhận.

[5] Đối với người đàn ông tên Đ, là đối tượng bán ma túy cho Hà Trọng D, quá trình điều tra chưa xác định được nhân thân lai lịch của người này, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện E đã tách hành vi trên để tiếp tục điều tra, xác minh làm rõ, có căn cứ sẽ xử lý sau là phù hợp.

[6]. Đối với ông Trần Quang C1 là chủ nhà nghỉ V1, quá trình các bị cáo Nguyễn Đức T, Hà Trọng D mua bán và tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy tại phòng 205 nhà nghỉ V1 thì ông C1 không biết nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện E đã ban hành Công văn đề nghị Ủy ban nhân dân huyện E, Đắc Lắc ra

quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Trần Quang C1 nên HĐXX không đặt ra để xem xét.

[7]. Đối với Phạm Quang T3 và Trần Việt H2 đã có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện E tiến hành chuyển hồ sơ, tài liệu có liên quan đến Công an thị trấn E và Công an xã C để ra quyết định xử lý vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật nên HĐXX không đặt ra để xem xét.

[8]. Đối với Nguyễn Đức T1 có hành vi rủ Võ Xuân T2 đến phòng 205 nhà nghỉ V1 để sử dụng ma túy nhưng khi T2 đem theo bộ dụng cụ sử dụng ma túy đã đến phòng 205, do không có ma túy để sử dụng nên T1 và T2 đi về; sau đó T mua ma túy về sử dụng và cho 03 đối tượng trên sử dụng ma túy thông qua bộ dụng cụ này. Do đó, việc các đối tượng nêu trên dùng bộ dụng cụ để sử dụng ma túy thì T1 và T2 không biết, giữa T và T2 không quen biết nhau nên không có căn cứ để xử lý đối với T1 và T2 là phù hợp.

[9] Xét thấy đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar thực hành quyền công tố tại phiên tòa đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo Hà Trọng D phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và bị cáo Nguyễn Đức T phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Phân trách nhiệm hình sự; phần xử lý vật chứng là có căn cứ. Tuy nhiên xét thấy về mức hình phạt mà Viện kiểm sát áp dụng đối với bị cáo Nguyễn Đức T từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù có phần nghiêm khắc, bởi bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, sau khi phạm tội bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Vì vậy HĐXX áp dụng mức hình phạt phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội do bị cáo T gây ra.

[10] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 khoản 3 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc các bị cáo Hà Trọng D, Nguyễn Đức T, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Hà Trọng D phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và bị cáo Nguyễn Đức T phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Căn cứ khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Hà Trọng D 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 24/02/2024.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T 07 (bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt tạm giam ngày 03/06/2024, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 24/02/2024 đến ngày 27/02/2024, .

- **Về vật chứng vụ án:** Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

+ Tịch thu tiêu hủy mẫu vật còn lại sau giám định có khối lượng là 0,1685 gam và toàn bộ bao gói đựng mẫu vật gửi giám định ban đầu.

+ Tịch thu tiêu hủy mẫu vật còn lại sau giám định có khối lượng là 0,0325 gam và toàn bộ bao gói đựng mẫu vật gửi giám định ban đầu.

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) chai nhựa nhãn hiệu STING, nắp chai màu đỏ, trên nắp chai bị đục 02 (hai) lỗ, một lỗ gắn một ống nhựa màu trắng, một lỗ gắn ống thủy tinh một đầu có dạng hình cầu; 02 (hai) bật lửa ga màu đỏ vật chứng không có giá trị sử dụng.

+ Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, Imei: 356684111985058 (đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng máy) do bị cáo Hà Trọng D sử dụng vào việc phạm tội.

+ Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, Imei: 355796075570618 (đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng máy) do bị cáo Nguyễn Đức T sử dụng vào việc phạm tội.

+ Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện E đã trả lại xe mô tô biển số 47F1- 644.29 cho bà Trần Thị H là chủ sở hữu hợp pháp.

(Toàn bộ vật chứng có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 26/9/2024 giữa Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea Kar và Công an huyện E).

- **Về án phí:** Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Khoản 1 khoản 3 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc các bị cáo Hà Trọng D và Nguyễn Đức T, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

- **Về Quyền kháng cáo:** Các bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án;

Nơi nhận:

- TAND Tối Cao;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện E;
- Chi cục Thi hành án huyện E;
- Công an huyện E;
- Cơ quan THA Hình sự huyện K;
- Các bị cáo; người liên quan.
- Lưu hồ sơ; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Võ Thị Mai